

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22/01/2026

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dư Thị Út

2. Bà Khưu Liên Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tô Hồng Đức – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 132/2025/TLST-HNGĐ, ngày 01/10/2025 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau

Căn cước công dân: 095190008504, cấp ngày 09/8/2021

- **Bị đơn:** Anh **Đỗ Thanh S**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 171/5, Khóm X, phường B, tỉnh Cà Mau

Giấy chứng minh dân: 385528030

(Chị D có đơn xin vắng mặt; anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị D và anh Đỗ Thanh S chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố B (nay là phường B, tỉnh Cà Mau) vào ngày 08/3/2011, anh chị có 02

người con là cháu Đỗ D Hiền, sinh ngày 28/5/2015; Đỗ Thiên Q, sinh ngày 18/10/2011. Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa chị D và anh S xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là anh S thường xuyên ghen tuông, xúc phạm chị và cả cha mẹ ruột chị. Mặc dù hai bên gia đình ngăn cản và khuyên nhủ nhưng anh S vẫn không thay đổi. Chị D nhận thấy cuộc hôn nhân giữa chị và anh S đã không còn hàn gắn được nữa, cuộc hôn nhân không hạnh phúc, giữa chị D và anh S cũng đã sống ly thân được 03 tháng cho đến khi nộp đơn khởi kiện. Từ khi ly thân đến nay anh chị không liên lạc quan tâm nhau, nên chị D yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh S. Về con chung khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh S được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Thanh S đã được Toà án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên toà xét xử, nên Toà án không thể ghi nhận ý kiến của anh Đỗ Thanh S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh S. Về con chung giao 02 người con là cháu Đỗ Diệu H, sinh ngày 28/5/2015; Đỗ Thiên Q, sinh ngày 18/10/2011 cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh S không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị D và anh S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố B (nay là phường B, tỉnh Cà Mau) vào ngày 08/3/2011, theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay chị D khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S và nuôi con sau khi ly hôn nên đây thuộc quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn*”, anh S hiện đang cư trú tại số 171/5, Khóm X, phường B, tỉnh Cà Mau, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án; khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị D là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; anh S là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Sau khi kết hôn hợp pháp, chị D và anh S sống với nhau hòa thuận một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh S thường ghen tuông và xúc phạm chị. Mặc dù hai bên gia đình điều biết và có ngăn cản nhưng anh S vẫn không thay đổi. Chị D nhận thấy cuộc hôn nhân giữa chị và anh S đã không còn hàn gắn được nữa, cuộc hôn nhân không hạnh phúc, giữa chị D và anh S cũng đã sống ly thân được 03 tháng trước khi nộp đơn khởi kiện, nên chị D xin Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã hòa giải để chị D và anh S đoàn tụ nhưng chị D cương quyết ly hôn vì nhận thấy không còn tình cảm, cả hai không còn quan tâm nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Còn anh S mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể ghi nhận ý kiến của anh S. Xét thấy, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu thương của cả hai vợ chồng, nhưng chị D cương quyết xin ly hôn, giữa chị D và anh S cũng sống ly thân thời gian dài, trong thời gian sống ly thân cả hai cũng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, vì vậy có căn cứ xác

định tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị D và anh S có 02 người con là cháu Đỗ Diệu H, sinh ngày 28/5/2015; Đỗ Thiên Q, sinh ngày 18/10/2011, khi ly hôn chị D đồng ý giao con cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng do hiện tại các cháu đang sống với anh S, các cháu cũng đang được anh S chăm sóc tốt, còn chị D hiện tại không có việc làm nên không có điều kiện chăm sóc các con. Do đó để tránh làm sáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu, ảnh hưởng đến tâm sinh lý phát triển của các cháu, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị Diệu, giao các con chung cho anh S được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về chi phí cấp dưỡng: Do anh S không yêu cầu chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định giữa chị D và anh S không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Áp dụng khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án; khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51 và các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Đỗ Thanh S.

2. Về con chung: Giao 02 người con là cháu Đỗ Diệu H, sinh ngày 28/5/2015; Đỗ Thiên Q, sinh ngày 18/10/2011 cho anh Đỗ Thanh S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu H, cháu Q hiện tại đang sống chung với anh S nên được giữ nguyên.

- Chị Nguyễn Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đỗ Thanh S không yêu cầu.

- Chị Nguyễn Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị Nguyễn Thị D có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số: 0000503 ngày 26/9/2025 của Thi thành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng THADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy